

BỘ Y TẾ
CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM
☞ ☆ ☞

VINAMED

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 10 năm 2015

MỤC LỤC

PHẦN I: THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....	8
I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ.....	8
1. Giới thiệu về doanh nghiệp	8
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	8
3. Ngành nghề kinh doanh.....	9
4. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty trước cổ phần hóa	10
5. Danh sách công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư dài hạn khác.....	13
6. Thực trạng về lao động.....	15
7. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	15
8. Tình hình đất đai Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng	16
9. Tình hình tài sản cố định	16
10. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa	18
II. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	22
1. Triển vọng ngành	22
2. Thuận lợi	23
3. Khó khăn	23
III. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	23
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ	26
I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA.....	26
1. Mục tiêu cổ phần hoá	26
2. Yêu cầu cổ phần hóa	26
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa.....	26
4. Hình thức cổ phần hóa	27
II. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HOÁ	27
1. Thông tin công ty cổ phần.....	27
2. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hoá.....	27
3. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty sau cổ phần hoá	28
4. Vốn Điều lệ của Công ty cổ phần	32

5.	Cổ phần	32
6.	Đối tượng mua cổ phần	32
7.	Cơ cấu vốn điều lệ.....	33
8.	Cổ phần người lao động được mua ưu đãi	33
9.	Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn.....	34
10.	Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược	34
11.	Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường.....	36
12.	Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.....	37
13.	Phương án xử lý số lượng cổ phần không bán hết	38
14.	Trường hợp cuộc đấu giá cổ phần không thành công	39
III.	PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG	39
1.	Kế hoạch sắp xếp lao động.....	39
2.	Kế hoạch xử lý lao động dôi dư	41
3.	Kế hoạch đào tạo lại	41
IV.	CÁC RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN	41
1.	Rủi ro kinh tế.....	41
2.	Rủi ro pháp lý.....	42
3.	Rủi ro đặc thù	42
4.	Rủi ro của đợt chào bán.....	42
5.	Rủi ro khác	42
V.	QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ	42
1.	Chi phí cổ phần hóa.....	42
2.	Số tiền thu được từ bán phần vốn nhà nước	43
VI.	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ.....	44
1.	Cơ hội	44
2.	Thách thức.....	44
3.	Định hướng phát triển sau cổ phần hóa.....	45
4.	Kế hoạch đầu tư.....	45
5.	Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa (2016 - 2018).....	46
6.	Các giải pháp thực hiện	47
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT		
CỦA TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA.....		49

PHẦN IV: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	51
PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT.....	52
PHẦN VI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	53
I. KẾT LUẬN.....	53
II. KIẾN NGHỊ.....	53

THUẬT NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
Công ty	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam
DT	Doanh thu
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐQT	Hội đồng quản trị
TDT	Tổng doanh thu
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân
XĐGTDN	Xác định giá trị doanh nghiệp
VINAMED	Tên viết tắt của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam

CƠ SỞ PHÁP LÝ

Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam được xây dựng căn cứ vào các cơ sở pháp lý sau:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;
- Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- Công văn số 752/TTg-ĐMDN ngày 04/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Y tế giai đoạn 2011 – 2015;
- Công văn số 2052/TTg-ĐMDN ngày 20/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Y tế;

- Quyết định số 4208/QĐ- BYT ngày 15/10/2014 của Bộ Y tế về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam;
- Quyết định số 1140/QĐ-BYT ngày 31/03/2015 của Bộ Y tế về việc thay thế Ủy viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Y tế;
- Quyết định số 2430/QĐ-BYT ngày 17/06/2015 của Bộ Y tế về việc thay thế Tổ viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam;
- Quyết định số 3854/QĐ-BYT ngày 14/09/2015 của Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam;

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam xây dựng phương án cổ phần hóa Tổng Công ty, cụ thể như sau:

PHẦN I:

THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh : **VIETNAM MEDICAL EQUIPMENT CORPORATION COMPANY LIMITED**
- Tên viết tắt : **VINAMED CO.,LTD**
- Trụ sở chính : Số 1, ngõ 135 phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3823 5679 Fax: (04) 3844 3260
- Website : www.vinamed.com.vn
- Email : vinamed@hn.vnn.vn
- Logo : 
- Vốn điều lệ : 84.949.807.017 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100124376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 20/04/2012.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Tổng công ty là Cục Vật tư và Xây dựng cơ bản – Bộ Y tế. Ngày 20/05/1985, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định 139-HĐBT về việc chuyển Cục Vật tư và Xây dựng cơ bản thành Tổng công ty Trang Thiết bị và Công trình Y tế thuộc Bộ Y tế.

Ngày 02/05/1996, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quyết định số 720/BYT-QĐ thành lập Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam trên cơ sở của Tổng công ty Trang thiết bị và Công trình y tế.

Từ năm 2000, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam đã triển khai công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp bằng hình thức chuyển các doanh nghiệp thành viên thành công ty cổ phần. Năm 2007 là năm chuyển đổi cơ bản của Tổng công ty từ mô hình Tổng công ty nhà nước sang mô hình đa dạng hóa sở hữu. Tất cả các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty đã thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam chuyển thành Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam theo Quyết định số 4317/QĐ-BYT ngày 16/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc chuyển Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu. Ngày 20/04/2012 Tổng công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chính thức trở thành loại hình doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100124376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 20/04/2012, các ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam như sau:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết:
 - Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm,...
 - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su. Chi tiết: Đồ dùng vệ sinh bằng cao su: dụng cụ tránh thai cao su, chai chườm nước nóng;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương;

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chuẩn đoán khác;
- Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác: Sản xuất đồ đạc cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Bệnh viện, trường học các khu văn phòng;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác y tế;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Hoạt động lưu giữ hàng hóa tại các kho bãi thông thường (trừ kho ngoại quan và kho có gắn thiết bị đông lạnh) để lưu giữ, bảo quản hàng hóa thuộc giao dịch bình thường như nguyên liệu sản xuất, hàng hóa tiêu dùng, máy móc thiết bị;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty trước cổ phần hóa

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng Công ty bao gồm: Chủ tịch Tổng Công ty, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc, các phòng chức năng trực thuộc và các doanh nghiệp thành viên. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch Tổng Công ty

Chủ tịch Tổng Công ty do Bộ Y tế quyết định bổ nhiệm. Chủ tịch Tổng Công ty là đại diện chủ sở hữu nhà nước trực tiếp tại Tổng Công ty; nhân danh Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật liên quan.

- Kiểm soát viên

Kiểm soát viên tại Tổng Công ty do Bộ Y tế bổ nhiệm. Kiểm soát viên có nhiệm vụ: Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Chủ tịch Tổng Công ty,

Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu và trong việc quản lý điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty; thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo công tác khác trước khi trình chủ sở hữu hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu báo cáo thẩm định và một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;

- Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc do Bộ Y tế bổ nhiệm. Các Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch Tổng Công ty bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ, các quyết định của Chủ tịch Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Tổng Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

- Các Phòng trực thuộc:

+ Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng Công ty về các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật; Thực hiện các mặt về công tác về hành chính, quản trị, bảo vệ....

+ Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc về lĩnh vực tài chính và kế toán theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước, xây dựng kế hoạch tài chính, cân đối nguồn tài chính đảm bảo đủ nguồn vốn hợp lý cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

+ Phòng Kinh doanh

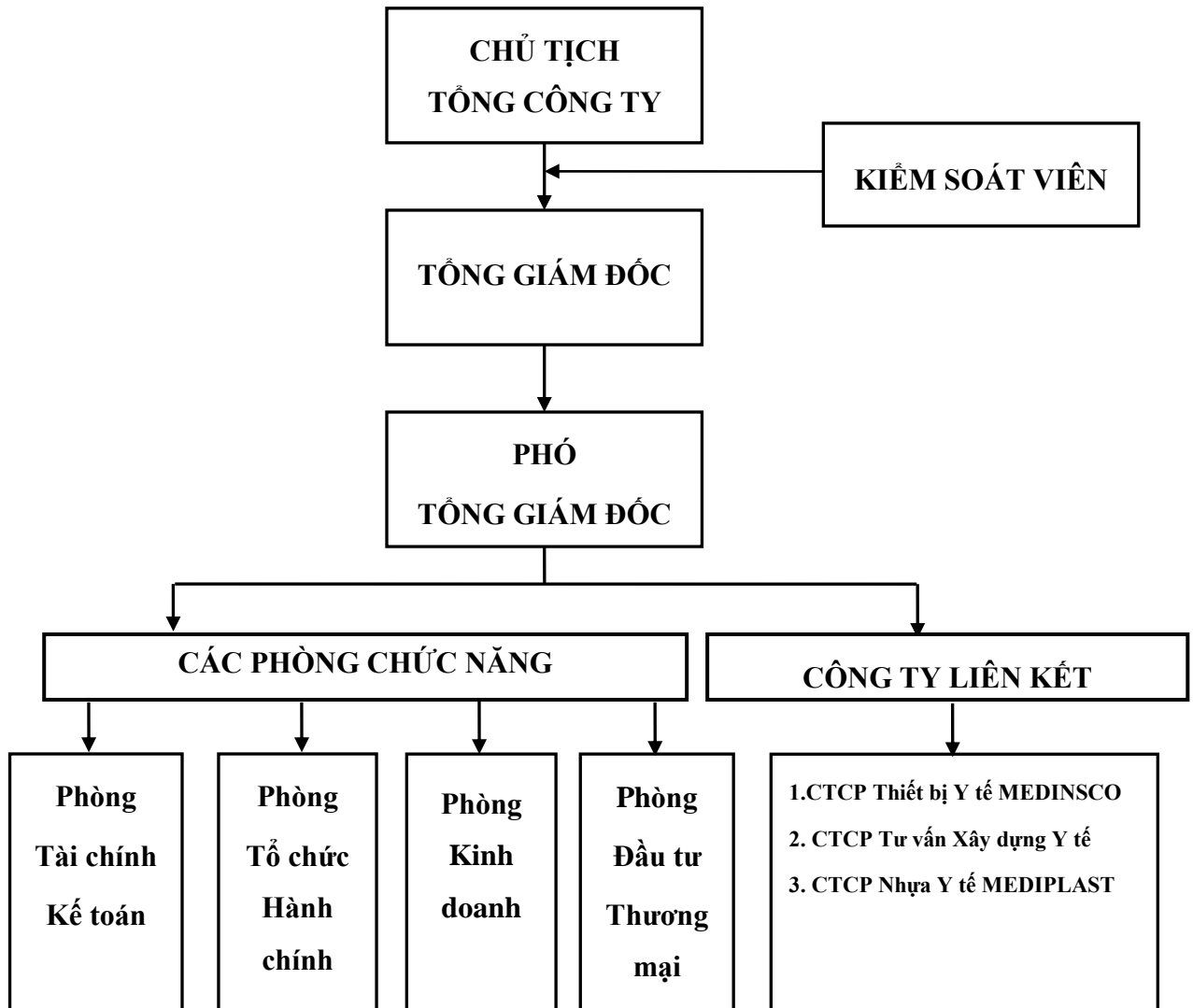
Phòng Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện chiến lược được Chủ tịch Tổng Công ty và Tổng Giám đốc phê duyệt.

+ Phòng Đầu tư Thương mại

Phòng Đầu tư Thương mại có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Tổng Công ty, Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch đầu tư và xúc tiến thương mại.

- **Các doanh nghiệp thành viên:** Trước cổ phần hóa, Tổng Công ty có 03 công ty liên kết.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA



————> Thông tin điều hành

-----> Thông tin kiểm soát

5. Danh sách công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư dài hạn khác

5.1 Công ty con

Không có.

5.2 Công ty liên doanh, liên kết

❖ Công ty Cổ phần Thiết bị y tế MEDINSCO

- Địa chỉ: Tầng I, tòa nhà N4A-B, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

- Vốn điều lệ: 28.136.140.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 6.636.219.900 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 22,51% vốn điều lệ

❖ **Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng y tế**

- Địa chỉ: 364 Phố Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 3.200.000.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 1.536.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 48% vốn điều lệ

❖ **Công ty Cổ phần Nhựa Y tế MEDIPLAST**

- Địa chỉ: 89 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 16.500.000.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 7.927.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 48,04% vốn điều lệ

5.3 Đầu tư dài hạn khác

❖ **Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế và Giáo dục Việt Nam**

- Địa chỉ: Số 85 Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 26.279.000.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 1.057.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 4,02% vốn điều lệ

❖ **Công ty Cổ phần MERUFA**

- Địa chỉ: Số 38 Trương Quốc Dung, phường 8, quận Phú Nhuận, TP. HCM
- Vốn điều lệ: 36.754.040.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 5.940.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 16,16% vốn điều lệ

❖ **Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư VIMEC**

- Địa chỉ: 332 Tô Hiến Thành Quận 10, TP. HCM
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 4.284.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 7,14% vốn điều lệ

❖ **Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO (DNM)**

- Địa chỉ: 105 Hùng Vương, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Vốn điều lệ: 41.691.480.000 đồng
- Giá trị đầu tư của Tổng Công ty theo sổ sách: 3.045.830.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 8,59% vốn điều lệ

6. Thực trạng về lao động

Tổng số lao động của Tổng Công ty tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (14/09/2015) là 15 người, với cơ cấu như sau:

TT	Loại lao động	Số lượng (lao động)
I	Phân loại theo trình độ	15
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	0
2	Cán bộ có trình độ đại học	12
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	0
4	Cán bộ, nhân viên, công nhân có trình độ sơ cấp và chưa qua đào tạo	3
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	15
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	4
2	Lao động hợp đồng dài hạn (Không xác định thời hạn)	3
3	Lao động hợp đồng ngắn hạn (từ 01 đến 03 năm)	8
4	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 1 năm	0
	Tổng cộng	15

7. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Vốn kinh doanh theo báo cáo tài chính kiểm toán của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

a. Phân theo cơ cấu vốn

- Tài sản ngắn hạn : 89.386.109.959 đồng
- Tài sản dài hạn : 31.099.814.431 đồng

b. Phân theo nguồn vốn

- Nợ phải trả : 17.803.917.596 đồng
- Nguồn vốn chủ sở hữu : 102.682.006.794 đồng

8. Tình hình đất đai Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng

Trước khi cổ phần hóa, Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất tại số 1, ngõ 135 phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội, chi tiết như sau:

- Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: 612 m².
- Hình thức sử dụng đất trước khi cổ phần hóa: Thuê đất trả tiền hàng năm
- Thời hạn thuê:
 - + 429 m² đất để làm văn phòng làm việc; thời gian thuê đất 40 năm kể từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2033
 - + 183 m² đất nằm trong chi giới mở đường, không được xây dựng kiên cố, khi Nhà nước thu hồi phải bản giao theo quy định. Thời gian thuê đất hàng năm.
- Mục đích sử dụng: Trụ sở làm việc (Đất cơ sở sản xuất kinh doanh).
- Hiện trạng sử dụng: Sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc.

9. Tình hình tài sản cố định

Toàn bộ tài sản cố định của Tổng Công ty trước thời điểm cổ phần hóa được chuyển giao sang công ty cổ phần, cụ thể như sau:

Bảng tổng hợp tài sản cố định của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2014

DVT: đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	TSCĐ đang dùng	2.639.815.409	2.118.434.509	521.380.900
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2.108.002.182	1.659.852.863	448.149.319
2	Phương tiện vận tải	449.890.500	399.756.757	50.133.743
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	81.922.727	58.824.889	23.097.838
B	TSCĐ không cần dùng	0	0	0
C	TSCĐ chờ thanh lý	0	0	0
	Tổng cộng	2.639.815.409	2.118.434.509	521.380.900

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của VINAMED tại thời điểm 31/12/2014

Bảng chi tiết nhà cửa vật kiến trúc của Tổng Công ty

DVT: đồng

TT	Tên tài sản	DT sàn xây dựng (m ²)	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Nhà làm việc 2 tầng	432,4	1975	1.744.734.000	1.334.767.575	409.966.425
2	Nhà để xe, 2 tầng	137,5	1975	211.475.000	211.475.000	0
3	Nhà cấp 4 (3 gian)	65,3	1975	88.155.000	88.155.000	0
4	Trụ công cánh công		2012	63.638.182	25.455.288	38.182.894
	Tổng cộng			2.108.002.182	1.659.852.863	448.149.319

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của VINAMED tại thời điểm 31/12/2014

Bảng chi tiết phương tiện vận tải của Tổng Công ty

DVT: đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô Toyota Innova 2.0G	1	2007	449.890.500	399.756.757	50.133.743
	Tổng cộng			449.890.500	399.756.757	50.133.743

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của VINAMED tại thời điểm 31/12/2014

Bảng chi tiết thiết bị dụng cụ quản lý của Tổng Công ty

DVT: đồng

TT	Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		
				Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Máy photocopy RICOH AFICIO	1	2010	35.272.727	30.834.857	4.437.870
2	Tivi Sony 46N*720	1	2011	46.650.000	27.990.032	18.659.968
	Tổng cộng			81.922.727	58.824.889	23.097.838

Nguồn: Hồ sơ XDGTĐN của VINAMED tại thời điểm 31/12/2014

10. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa**10.1 Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty 3 năm trước khi cổ phần hoá**

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu thuần	14.609.485.404	12.117.015.531	29.431.388.593
1.1	Doanh thu bán thiết bị y tế	11.705.150.239	11.914.160.077	29.054.266.231
1.2	Doanh thu lắp đặt hệ thống khí y tế	2.663.536.556	-	-
1.3	Doanh thu cho thuê văn phòng	240.798.609	202.855.454	377.122.362
2	Giá vốn hàng bán	13.891.488.220	11.488.220.968	28.508.972.260
3	Lợi nhuận gộp	717.997.184	628.794.563	922.416.333
4	Doanh thu hoạt động tài chính	6.468.208.190	6.181.606.743	6.035.644.605
5	Chi phí tài chính	-	-	-
6	Chi phí bán hàng	35.414.985	62.701.889	44.578.560
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.934.211.493	2.723.498.994	2.662.511.728
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.216.578.896	4.024.200.423	4.250.970.650
9	Thu nhập khác	28.418.245	681.818	156.193.963
10	Lợi nhuận khác	28.418.245	681.818	125.244.103
11	Lợi nhuận trước thuế	4.244.997.141	4.024.882.241	4.376.214.573

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
12	Lợi nhuận sau thuế	3.397.390.356	3.901.905.431	4.291.239.852

Nguồn: VINAMED

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng trong giai đoạn 2012 – 2014. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2014 tăng 142,89% so với năm 2013 và tăng 101,45% so với năm 2012. Doanh thu thuần năm 2014 tăng trưởng mạnh là do đơn vị đã tích cực tham gia đấu thầu đồng thời tìm các đối tác có đủ năng lực cùng tham gia và đã thu được những kết quả nhất định. Doanh thu chủ yếu của Tổng Công ty là doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu kinh doanh thiết bị y tế, còn mảng cho thuê văn phòng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Bên cạnh đó, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế cũng có sự tăng trưởng qua từng năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2013 tăng 14,85% so với năm 2012, lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 9,98% so với năm 2013. Đạt được kết quả trên là nhờ sự giúp đỡ của Bộ Y tế, các Sở, Ban ngành và sự nỗ lực cố gắng của toàn thể Cán bộ nhân viên Tổng công ty trong việc tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

10.2 Tình hình tài chính của Tổng Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

Một số chỉ tiêu chủ yếu 03 năm trước Cổ phần hoá

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng tài sản	99.254.169.438	103.137.619.698	120.485.924.390
2	Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi)	91.593.620.824	93.154.382.996	102.682.006.794
3	Nợ phải trả	7.660.548.614	9.983.236.702	17.803.917.596
3.1	Nợ ngắn hạn	7.660.548.614	9.983.236.702	17.803.917.596
3.2	Nợ dài hạn	-	-	-
4	Nợ phải thu	5.296.233.566	4.956.323.542	15.986.330.340
4.1	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.796.233.566	4.956.323.542	15.986.330.340
4.2	Các khoản phải thu dài hạn	1.500.000.000	-	-
5	Tổng số lao động (người)	14	15	15
6	Tổng quỹ lương	1.375.006.283	1.256.921.000	1.451.270.400
7	Lương bình quân của người lao động/tháng	8.184.561	6.982.894	8.062.613
8	Các khoản đã nộp ngân sách trong năm	1.376.775.790	1.608.817.356	2.822.873.509

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Chủ sở hữu	3,71%	4,19%	4,18%

Nguồn: VINAMED

10.3 Nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh chính của VINAMED là hoạt động kinh doanh thiết bị y tế, cung cấp trang thiết bị cho các bệnh viện, phòng khám. Công ty không có đơn vị sản xuất nên không có nguồn nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên, hàng hóa đầu vào để kinh doanh của Công ty chủ yếu mua từ các đại lý, các nhà sản xuất trong nước.

10.4 Chi phí sản xuất, kinh doanh

Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT	Giá trị	% TDT
Giá vốn hàng bán	13.891	65,82%	11.488	62,78%	28.509	80,03%
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	35	0,17%	63	0,34%	45	0,13%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.934	13,90%	2.723	14,88%	2.663	7,48%
Chi phí khác	-	-	-	-	31	0,09%
Tổng cộng	16.860	79,89%	14.274	78,00%	31.248	87,72%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012, 2013 và năm 2014

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được xem là mục tiêu hàng đầu đối với Tổng công ty, do đó vấn đề tiết kiệm chi phí hết sức được coi trọng ở Tổng công ty.

Với đặc trưng là doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ Dự trữ quốc gia về máy móc thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất phòng chống dịch, phòng chống thảm họa thiên tai và công tác hậu cần cho các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình, các dịch vụ về hàng viện trợ nên giá vốn hàng bán của Tổng công ty chủ yếu là từ các chi phí để bảo trì, bảo quản, chi phí vận tải hàng hóa... việc nghiên cứu và tìm giải pháp giảm thiểu giá vốn hàng bán được Tổng công ty đặt lên hàng đầu.

Chi phí bán hàng của Tổng công ty thời gian vừa qua là khá thấp do Tổng công ty chủ yếu tập trung vào cung cấp dịch vụ hậu cần nên chưa chú trọng đến công tác tiếp thị. Tỷ trọng tổng chi phí trên tổng doanh thu ở mức từ 78% tổng doanh thu trở lên, riêng năm

2014, tổng chi phí chiếm tới 87,72% tổng doanh thu, do chủ yếu là chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn 80,03%, chi phí tài chính không phát sinh, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,61% chủ yếu là chi tiền lương, khấu hao tài sản cố định và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

10.5 Trình độ công nghệ và nhân lực

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là kinh doanh các mặt hàng thiết bị y tế. Vì vậy, trình độ công nghệ chủ yếu liên quan đến hệ thống quản lý nội bộ, nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Hiện tại, Tổng công ty chưa tập trung nhiều vào việc phát triển hệ thống quản lý nội bộ, hệ thống website, hệ thống điều hành doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực của Tổng công ty đã được sắp xếp tinh gọn, hợp lý với số lao động hiện có. Trình độ của đội ngũ CBCNV tương đối đồng đều, Tổng công ty có cơ chế phù hợp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn cán bộ, có chính sách thu hút nhân lực tốt.

10.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

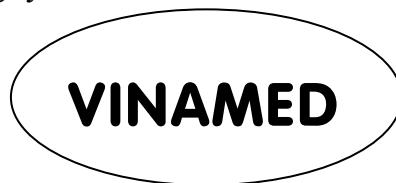
Là đơn vị kinh doanh các sản phẩm liên quan đến chăm sóc sức khỏe, y tế nên VINAMED luôn đặt chất lượng sản phẩm cung cấp lên hàng đầu. Các sản phẩm Công ty cung cấp cho các cơ sở y tế đều được lựa chọn từ các nhà cung cấp uy tín trong nước, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

10.7 Hoạt động marketing

Các đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là Sở y tế các tỉnh thành, Trung tâm y tế, các bệnh viện, các chương trình quốc gia, các tổ chức phi chính phủ... Công tác quảng bá hình ảnh Công ty thực hiện thông qua các hình thức như: quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng và tham gia triển lãm sản phẩm...

10.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã xây dựng và sử dụng Logo nhãn hiệu thương mại độc quyền từ năm 1996, đây là cơ sở để Công ty quảng bá hình ảnh sâu rộng đến với đối tác trong nước và ngoài nước. Logo Công ty:



II. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Triển vọng ngành

Cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, nhu cầu chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân đòi hỏi chất lượng ngày càng cao. Việt Nam là quốc gia có dân số lớn và đang từng bước cải tạo nâng cấp môi trường y tế chăm sóc và chữa bệnh cho người dân, là một thị trường lớn còn nhiều tiềm năng phát triển đối với các sản phẩm trang thiết bị y tế. Trang thiết bị y tế là một trong những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả, chất lượng của công tác y tế. Do vậy, lĩnh vực trang thiết bị y tế đang được tăng cường đầu tư cả về số lượng và chất lượng.

Trang thiết bị y tế bao gồm các loại thiết bị, dụng cụ, vật tư, phương tiện vận chuyển chuyên dụng phục vụ cho hoạt động chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân. Sự phát triển nhu cầu về sản phẩm trang thiết bị y tế là lớn tuy nhiên mức cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các sản phẩm nhập khẩu 100% từ các nhà cung cấp nước ngoài chất lượng tốt hơn là một thách thức đối với ngành cung cấp các trang thiết bị y tế. Tại Việt Nam, với trình độ kỹ thuật còn thấp, việc sản xuất chỉ dừng lại ở những thiết bị y tế thông thường, đơn giản và có giá trị thấp. Còn đối với những sản phẩm có trình độ công nghệ cao, giá trị lớn thì chủ yếu được nhập khẩu từ các nước công nghiệp phát triển. Thị phần chủ yếu là các công ty nước ngoài có văn phòng đại diện tại Việt Nam như: Olympus, Toshiba, Johnson&Johnson, Siemens, Karl Storz ... Thị phần do Vinamed chiếm giữ trong ngành còn rất thấp.

Mặc dù, ngành y tế được sự quan tâm ủng hộ của toàn xã hội, song với đặc thù về công nghệ và giá trị của thiết bị nên việc trang bị thiết bị y tế vẫn còn thiếu, không đồng bộ và lạc hậu so với các nước trong khu vực. Chính vì vậy xã hội hoá đối với trang thiết bị y tế, tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân là điều cấp thiết theo chủ trương của đảng và nhà nước. Trong bối cảnh ngành y tế tăng cường trang bị thiết bị y tế cả về chất lượng và số lượng, thì đây là điều kiện thuận lợi cho các đơn vị kinh doanh thiết bị y tế nâng cao vị trí và vai trò của mình đối với sự phát triển của ngành.

Vinamed với lĩnh vực kinh doanh truyền thống là thiết bị y tế thì đây là cơ hội tốt để Tổng công ty đẩy mạnh tiêu thụ, nâng cao hơn nữa uy tín của mình đối với khách hàng khu vực miền Trung cũng như khách hàng tại hai Thành phố lớn là Tp. HCM và Hà Nội.

Định hướng phát triển của Tổng Công ty trong thời gian tới là tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trang thiết bị y tế. Bên cạnh đó, Công ty đang nghiên cứu mở rộng hoạt động kinh doanh sang một số lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

Nhìn chung, định hướng phát triển của Tổng Công ty là hoàn toàn phù hợp với định

hướng phát triển chung của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên thế giới.

2. Thuận lợi

- Kinh tế phát triển, thu nhập của người dân tăng lên đã làm gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, từ đó ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh các công ty chuyên ngành dược và thiết bị y tế.
- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ lớn từ Bộ Y tế trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty thiết lập được mối quan hệ với một số đối tác truyền thống để cung cấp trang thiết bị.

3. Khó khăn

- Tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến kinh tế của Việt Nam và do đó gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và VINAMED nói riêng.
- Nguồn nhân lực cho nhu cầu phát triển để tạo ra những đột phá cần thiết của Tổng công ty vẫn chưa đủ nhất là lực lượng cán bộ kỹ thuật còn thiếu và chưa có nhiều kinh nghiệm.
- Cơ sở vật chất của Tổng công ty chưa được đầu tư nâng cấp.
- Là công ty nhà nước, Công ty gặp hạn chế trong việc đấu thầu các hợp đồng trang thiết bị y tế với các đối tác nước ngoài.
- Nhiều đơn vị tư nhân tham gia vào thị trường cung cấp trang thiết bị y tế dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng gay gắt.

III. GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP VÀ GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Căn cứ theo Quyết định số 3854/QĐ-BYT ngày 14/09/2015 của Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam.

- Giá trị doanh nghiệp thực tế của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 để cổ phần hoá là **145.084.766.499 đồng** (*Một trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm tám mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng*).
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 để cổ phần hoá là **127.280.848.903 đồng** (*Một trăm hai mươi bảy tỷ hai trăm tám mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm linh ba đồng*).

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng công ty

Thiết bị Y tế Việt Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4 = 3 - 2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	120.485.924.390	145.084.766.499	24.598.842.109
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	31.099.814.431	54.351.267.492	23.251.453.061
1. Tài sản cố định	521.380.900	1.066.143.831	544.762.931
<i>a. TSCĐ hữu hình</i>	521.380.900	1.066.143.831	544.762.931
Nhà cửa - vật kiến trúc	448.149.319	826.808.468	378.659.149
Máy móc thiết bị	-	-	-
Phương tiện vận tải	50.133.743	204.818.182	154.684.439
Thiết bị dụng cụ quản lý	23.097.838	34.517.182	11.419.344
Tài sản cố định khác	-	-	-
<i>b. TSCĐ vô hình</i>	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30.426.049.900	53.111.104.285	22.685.054.385
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5. Tài sản dài hạn khác	152.383.631	174.019.375	21.635.744
6. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	89.386.109.959	89.538.576.869	152.466.910
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	63.565.979.950	63.566.704.622	724.672
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	82.860.784	82.862.000	1.216
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	516.949.763	517.673.219	723.456
<i>c. Các khoản tương đương tiền</i>	62.966.169.403	62.966.169.403	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.500.000.000	8.500.000.000	-
3. Các khoản phải thu	15.986.330.340	16.076.891.981	90.561.641
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	1.109.825.912	1.109.825.912	-
5. Tài sản lưu động khác	223.973.757	285.154.354	61.180.597
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	1.194.922.138	1.194.922.138
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
Trong đó: Tài sản đầu tư bằng Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
2. Bất động sản đầu tư			
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	-	-	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4 = 3 - 2
2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	-	-	
3. Tài sản lưu động khác	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
1. Tài sản cố định	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	120.485.924.390	145.084.766.499	24.598.842.109
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (A)	120.485.924.390	145.084.766.499	24.598.842.109
E1. Nợ thực tế phải trả	17.803.917.596	17.803.917.596	-
<i>Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN</i>	-	-	
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1 + E2)]	102.682.006.794	127.280.848.903	24.598.842.109

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN của Vinamed)

PHẦN II:

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hoá

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Tổng Công ty gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.
- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường và quy định của pháp luật.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và lao động.
- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Tổng Công ty.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Tổng công ty nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo, hướng dẫn sâu sát của Bộ Y tế và các Bộ, Ban ngành liên quan. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc cho Tổng công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hóa.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của tổng công ty được sắp xếp, tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần
- Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hóa diễn ra thuận lợi thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa cho cán bộ, nhân viên được thực hiện chu đáo.

- Toàn thể cán bộ, nhân viên của tổng công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hóa Tổng công ty.

4. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là “*Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp*”.

II. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HOÁ

1. Thông tin công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh : **VIETNAM MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK CORPORATION**
- Tên viết tắt : **VINAMED JSC**
- Trụ sở chính : Số 1, ngõ 135 phố Núi Trúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại : (04) 3823 5679 Fax : (04) 3844 3260
- Website : www.vinamed.com.vn
- Email: : vinamed@hn.vnn.vn
- Logo :



2. Quyền hạn và nghĩa vụ của công ty cổ phần

2.1 Quyền hạn

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam chuyển sang.
- Tổng công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Tổng công ty có các quyền về quản lý tài chính và các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2.2 Nghĩa vụ

- Tổng công ty kế thừa các nghĩa vụ của Công ty TNHH một thành viên Tổng công ty Thiết bị y tế Việt Nam chuyên sang.
- Tổng công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần và các quy định của pháp luật.

3. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hoá

Ngành nghề kinh doanh dự kiến của Tổng Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần như sau:

- Kinh doanh: Thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế; hóa chất xét nghiệm, hóa chất phòng chống dịch, hóa chất diệt khuẩn, thiết bị khoa học kỹ thuật, thiết bị sản xuất trong ngành dược.
- Mua bán xe ô tô cứu thương và chuyên dùng trong y tế.
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; sản xuất dụng cụ dùng trong thú y, chăn nuôi, gia dụng, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- Tổ chức hội thảo, tập huấn hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị, dụng cụ y tế.
- Dịch vụ: Tư vấn, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành, bảo trì thiết bị dụng cụ y tế; tư vấn thiết kế xây dựng labo xét nghiệm, phòng mổ, phòng X-quang và các công trình chuyên ngành y tế.
- Tư vấn và xây dựng các công trình cho ngành y tế và dân dụng.
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho, bãi đỗ xe.
- Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật cho phép.

4. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty sau cổ phần hoá

Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Tổng công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng Công ty.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Tổng Công ty, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

▪ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người.

▪ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty có các Phó Tổng Giám đốc. Số lượng thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

▪ **Các Phòng trực thuộc:**

+ Phòng Tổ chức - Hành chính

Phòng Tổ chức - Hành chính có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng Công ty về các lĩnh vực: Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật; Thực hiện các mặt về công tác về hành chính, quản trị, bảo vệ....

+ Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về lĩnh vực tài chính và kế toán theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước, xây dựng kế hoạch tài chính, cân đối nguồn tài chính đảm bảo đủ nguồn vốn hợp lý cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

+ Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổ chức thực hiện chiến lược được Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phê duyệt.

+ Phòng Đầu tư Thương mại

Phòng Đầu tư Thương mại có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch đầu tư và xúc tiến thương mại.

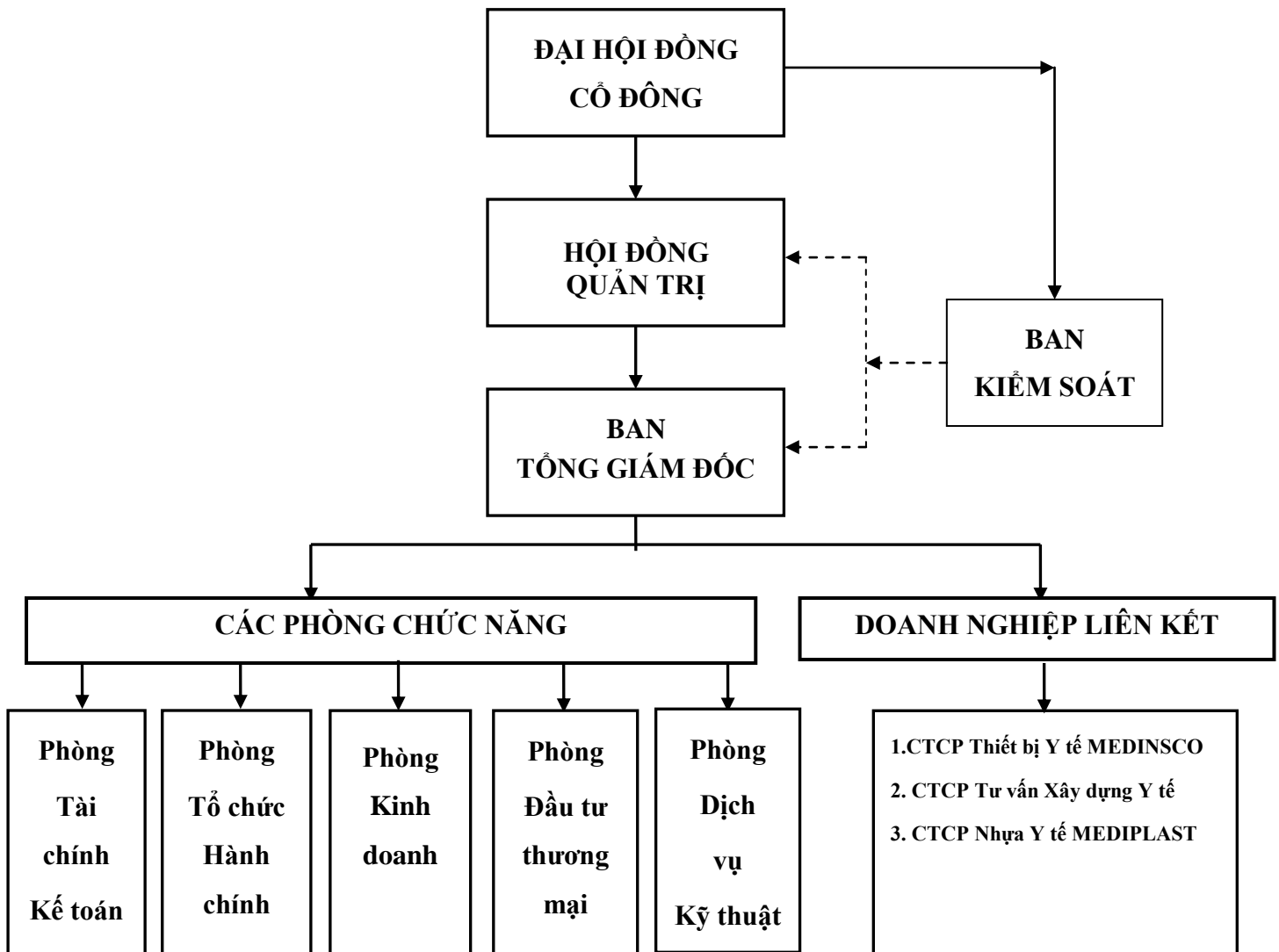
+ Phòng Dịch vụ Kỹ thuật

Phòng Dịch vụ Kỹ thuật có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ cụ thể: triển khai giám sát về kỹ thuật các sản phẩm; kết hợp với phòng Kinh doanh theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá, vật tư khi mua vào hoặc xuất ra; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm.

▪ **Công ty liên kết:** 3 công ty

Sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần, mô hình tổ chức của Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nam được thể hiện ở sơ đồ sau:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**



————> Thông tin điều hành

-----> Thông tin kiểm soát

5. **Vốn Điều lệ của Công ty cổ phần**

Căn cứ theo Quyết định số 3854/QĐ-BYT ngày 14/09/2015 của Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2015 để cổ phần hoá là **127.280.848.903 đồng**.

Căn cứ nhu cầu nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa và nhu cầu thực tế dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Tổng Công ty được xác định như sau:

- **Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng (Tám mươi tám tỷ đồng)**
- **Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông**
- **Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần**
- **Số cổ phần phát hành: 8.800.000 cổ phần**

Mức vốn điều lệ xác định của công ty cổ phần thấp hơn giá trị thực tế phần vốn nhà nước xác định lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Do đó, VINAMED sẽ thực hiện hoàn trả lại ngân sách nhà nước bằng tiền mặt giá trị chênh lệch là 127.280.848.903 đồng – 88.000.000.000 đồng = 39.280.848.903 đồng, từ nguồn quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

6. **Cổ phần**

Tất cả cổ phần của Tổng Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

7. **Đối tượng mua cổ phần**

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Các nhà đầu tư chiến lược (đảm bảo thỏa mãn tiêu chí nhà đầu tư chiến lược do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt).
- Cán bộ công nhân viên mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước và mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Tổng Công ty.
- Công đoàn Tổng Công ty.
- Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia đấu giá mua cổ phần.

Các nhà đầu tư nước ngoài được mua tối đa 49% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

8. Cơ cấu vốn điều lệ

Theo tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước của Thủ tướng Chính phủ, Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam là doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Tổng Công ty đề xuất xây dựng phương án tỷ lệ cổ phần nắm giữ của Nhà nước là 20% trên vốn điều lệ công ty cổ phần.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	1.760.000	17.600.000.000	20
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	17.200	172.000.000	0,2
2.1	<i>- Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	<i>17.200</i>	<i>172.000.000</i>	<i>0,2</i>
2.2	<i>- Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
3	Công đoàn Công ty	0	0	0
4	Cổ đông chiến lược	3.500.000	35.000.000.000	39,77
5	Cổ đông mua cổ phần thông qua đấu giá	3.522.800	35.228.000.000	40,03
	Tổng cộng	8.800.000	88.000.000.000	100

9. Cổ phần người lao động được mua ưu đãi

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp được mua cổ phần theo hai hình thức sau:

9.1 Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 14/09/2015 là: 15 người;

- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 14 người.

- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 172 năm.

Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm.

Theo đó, **tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là 17.200 cổ phần** với tổng mệnh giá là **172.000.000 đồng** chiếm **0,2%** vốn điều lệ Công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược.

Giá bán cho người lao động: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho nhà đầu tư chiến lược.

9.2 Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Công ty không có CBCNV mua cổ phần theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

10. Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn

Căn cứ theo Công văn số 19/CĐ-TCT ngày 05/10/2015 của Ban chấp hành Công đoàn Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam, Tổ chức Công đoàn không đăng ký mua cổ phần khi Công ty cổ phần hóa.

11. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

11.1 Quy mô chào bán

Tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là **3.500.000 cổ phần**, tương ứng **35.000.000.000 đồng** chiếm **39,77%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

11.2 Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

Tổng Công ty đề xuất tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược khi cổ phần hóa như sau:

- Là doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh chính của VINAMED. Có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh trang thiết bị, vật tư y tế. Có vốn chủ sở hữu thể hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất không thấp hơn 30 tỷ đồng (Ba mươi tỷ đồng) và không có lỗ lũy kế.

- Ưu tiên nhà đầu tư có công nghệ trong sản xuất trang thiết bị, vật tư y tế hoặc có chính sách bao tiêu sản phẩm.
- Ngoài ra, các nhà đầu tư phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - + Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty cổ phần, hỗ trợ Công ty cổ phần về vốn, công nghệ, thị trường và không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu là 05 năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
 - + Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền về việc mua hết số lượng cổ phần đăng ký mua.

11.3 Phương án bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC, Tổng Công ty đề xuất phương án chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược như sau:

- Thời điểm bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện trước khi bán đấu giá công khai.
- Phương thức bán cổ phần: Việc bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược có các phương thức sau:
 - Tổ chức đấu giá: Áp dụng trong trường hợp: (1) Có trên 03 Nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần, hoặc (2) Có tối đa 03 Nhà đầu tư đăng ký mua, tổng số cổ phần đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán ra cho Nhà đầu tư chiến lược.
 - Thỏa thuận trực tiếp: Áp dụng trong trường hợp có tối đa 03 Nhà đầu tư đăng ký mua, tổng số cổ phần đăng ký mua tối đa bằng số cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược.
- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận (đối với trường hợp bán thỏa thuận) hoặc giá nhà đầu tư chiến lược đặt mua được xác định là trúng thầu của cuộc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm được phê duyệt.
- Tiền đặt cọc: Nhà đầu tư chiến lược sẽ tiến hành đặt cọc ngay sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt. Số tiền nhà đầu tư chiến lược phải đặt cọc tương ứng với 10% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

11.4 Danh sách nhà đầu tư chiến lược

Sau khi tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ thực hiện các thủ tục mời các nhà đầu tư chiến lược đáp ứng được các tiêu chí tham gia mua cổ phần của Tổng Công ty.

Trên cơ sở hồ sơ đăng ký của các nhà đầu tư chiến lược, Tổng Công ty sẽ tổng hợp để báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần của Tổng Công ty.

11.5 Quy định về hạn chế chuyển nhượng

Theo quy định tại Tiết c, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ thì : “Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”

12. Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư thông thường

Số cổ phần thực hiện bán đấu giá cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá cho nhà đầu tư: **3.522.800 cổ phần** tương đương tổng mệnh giá là 35.228.000.000 đồng, chiếm 40,03% vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ).
- Giá khởi điểm: Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, tiềm năng của Tổng Công ty, tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và đề xuất của đơn vị tư vấn, Tổng Công ty đề xuất mức giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ sở của việc Tổng Công ty đề xuất mức giá khởi điểm nêu trên:

Đề xuất giá khởi điểm của đơn vị tư vấn: Căn cứ Báo cáo xác định giá khởi điểm của đơn vị tư vấn Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS), DAS đưa ra đề xuất mức giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần trên cơ sở tính toán mức giá khởi điểm theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức của công ty cổ phần sau khi cổ phần hóa.

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại

thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2014 là 127.280.848.903 đồng, chênh lệch tăng 24.598.842.109 đồng so với giá trị sổ sách kế toán, tương ứng tăng khoảng 24%. Trong đó chủ yếu là chênh lệch tăng từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty thành viên (tăng 22.685.054.385 đồng) và giá trị lợi thế kinh doanh (tăng 1.194.922.138 đồng).

Sự hấp dẫn của cổ phiếu với nhà đầu tư: Các nhà đầu tư tài chính tham gia vào các đợt IPO thường chủ yếu quan tâm đến các doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận (ROA, ROE) vượt trội, tốc độ tăng trưởng ngành cao, các lợi thế về đất đai... Đối với Tổng Công ty, kết quả kinh doanh các năm trước cổ phần hóa khá thấp, tỷ suất ROE thấp hơn 5%, thị phần chiếm lĩnh còn rất thấp nên không thật sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư khi IPO.

Tình hình thị trường chứng khoán và kế hoạch IPO năm 2015: Trong năm 2015 hàng loạt doanh nghiệp nhà nước tiến hành IPO cũng như thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư tài chính theo đề án tái cơ cấu. Do đó, nguồn cung cổ phần tương đối dồi dào, đa dạng. Trong khi tình hình thị trường chứng khoán trong năm 2015 được đánh giá khá ảm đạm so với năm 2014. Nhiều cuộc đấu giá cổ phần của các tổng công ty lớn không thành công như Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam, Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin, Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin, Tổng Công ty PISCO Bình Định... Do đó, trong bối cảnh hiện nay, Tổng Công ty cần lựa chọn mức giá khởi điểm hợp lý để thu hút các nhà đầu tư tham gia đấu giá, tăng khả năng thành công của đợt IPO.

Giá khởi điểm chính thức sẽ được xác định trong Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam thành công ty cổ phần.

- Thời gian bán đấu giá: Sau khi có Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam.
- Cơ quan bán đấu giá cổ phần: Căn cứ Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, do giá trị cổ phần bán đấu giá của Tổng Công ty trên 10 tỷ đồng (tính theo mệnh giá) nên toàn bộ số cổ phần bán đấu giá sẽ được tổ chức bán tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

13. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14, Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước:

“Điều 14. Đăng ký giao dịch và niêm yết

1. Đối với doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.”

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Tổng Công ty chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định trên.

14. Phương án xử lý số lượng cổ phần không bán hết

- Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:
 - + Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.
 - + Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.
 - + Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt.
- Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được quyền chào bán công khai tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá theo phương thức thỏa thuận trực tiếp. Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp lập danh sách và thông báo đến các nhà đầu tư đã tham dự đấu giá để chào bán công khai tiếp số cổ phần không bán hết trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần. Các nhà đầu tư từ chối mua cổ phần sẽ không được nhận lại tiền đặt cọc khi tham dự đấu giá.
- Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh

15. Trường hợp cuộc đấu giá cổ phần không thành công

Trường hợp cuộc đấu giá không thành công, Tổng Công ty sẽ thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính:

“a) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa về cuộc đấu giá không thành công. Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định điều chỉnh lại mức giá khởi điểm nhưng không thấp hơn mệnh giá để chào bán công khai tiếp theo phương thức thỏa thuận trực tiếp đối với số cổ phần chưa bán được của cuộc đấu giá công khai và số cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp từ chối mua theo phương án đã được duyệt (nếu có) trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

b) Ban chỉ đạo cổ phần hóa quyết định công bố thông tin về việc chào bán công khai tiếp cổ phần theo phương thức thỏa thuận trực tiếp (bao gồm cả thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa theo phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này) tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.

c) Căn cứ kết quả thỏa thuận bán cổ phần với các nhà đầu tư, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp và nhà đầu tư ký hợp đồng mua/bán cổ phần. Thời gian hoàn tất việc ký hợp đồng mua/bán cổ phần là 10 ngày kể từ ngày nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần.”

III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
-----	----------	---------

STT	Nội dung	Tổng số
1	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	15
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch Công ty, thành viên chuyên trách Ban kiểm soát, TGD, P.TGD, KTT)	04
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	11
	a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	04
	b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	07
	c) Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	0
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của công ty	0
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	0
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ	0
	a) Hết hạn HĐLĐ	0
	b) Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	0
	c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của pháp luật	0
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, chia ra:	0
	a) Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 63/2015/NĐ/CP	0
	b) Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ và trả trợ cấp mất việc làm	0
	c) Số lao động là viên chức quản lý thực hiện theo NĐ 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế	0
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	15
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	14
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH	0
	a) Ốm đau	0
	b) Thai sản	0
	c) Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện lao động	0
	a) Nghĩa vụ quân sự	0
	b) Nghĩa vụ công dân khác	0
	c) Bị tạm giam, tạm giữ	0
	d) Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0

Ghi chú: Khoản 1 mục III không bao gồm khoản 3 mục III

Số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 15 người, số lao động chuyển sang Tổng công ty cổ phần là: 14 người.

Lý do: Ông Ngô Ngọc Đức là Phó tổng giám đốc có đơn xin thôi việc từ ngày 01/11/2015. Tổng công ty đã báo cáo Bộ Y tế giải quyết theo nguyện vọng của ông Ngô Ngọc Đức, mọi chế độ của ông Ngô Ngọc Đức sẽ được giải quyết theo Quy định hiện hành.

2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

Công ty không có lao động dôi dư.

3. Kế hoạch đào tạo lại

- Số lao động đào tạo lại: 0 người
- Dự toán chi phí đào tạo lại: 0 đồng

IV. CÁC RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Rủi ro kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh phát triển bền vững của nền kinh tế trong nước cũng như nền kinh tế thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần nói riêng.

Sự biến động của các chính sách tiền tệ trên thế giới trong giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính năm 2008 bắt nguồn từ Mỹ, cuộc khủng hoảng chính trị - tài chính ở Hy Lạp, hay việc mở rộng biên độ dao động của tỷ giá ở Trung Quốc thời gian gần đây đã tác động khá lớn đến sự phát triển của hầu hết các nước trên thế giới. Ngoài ra, sự hồi phục kinh tế không đồng đều giữa các khu vực và chưa có dấu hiệu rõ nét khiến cho tình hình giá cả thị trường giao dịch các hàng hóa như cao su, dầu mỏ, khí đốt, ... biến động với biên độ rộng khiến môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh tăng thêm độ rủi ro vốn có. Việt Nam đã từng bước hội nhập với quốc tế nên chịu ảnh hưởng không nhỏ từ sự biến động nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu đã có những chuyển biến tích cực. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê công bố (26/06/2015), tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tăng 6,28%, cao nhất so với cùng kỳ từ năm 2010. Trong đó, quý I tăng 6,08%, quý II tăng 6,44%. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng cả nước (CPI) tháng 7/2015 tăng 0,13% so với tháng 6/2015, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước và so với tháng 12/2014, CPI chỉ tăng 0,68%.

Ngoài ra, khi nền kinh tế phát triển ổn định, đời sống người dân được cải thiện thì nhu cầu của người dân đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sẽ được nâng lên đáng kể. Từ đó sẽ tác động tích cực đến các ngành nghề liên quan bao gồm dịch vụ y tế và cung cấp vật tư trang thiết bị y tế. Hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực vật tư trang thiết bị y tế sẽ có triển vọng phát triển tốt hơn.

2. Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Tổng Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (*Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, Luật Thương mại,...*). Các sắc luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Tổng Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù

Sự gia nhập ngày càng nhiều các doanh nghiệp vào lĩnh vực thiết bị trang thiết bị y tế đã tạo ra sức ép cạnh tranh gay gắt đối với Tổng Công ty. Trong đó có các doanh nghiệp nước ngoài với quy mô lớn, tiềm lực tài chính mạnh, kinh nghiệm quản trị hiện đại. Sau cổ phần hoá, định hướng của Tổng Công ty là phải nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm thị trường mới để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc IPO cổ phiếu lần đầu của Tổng Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình thị trường chứng khoán và các đợt IPO của các doanh nghiệp khác. Các thông tin từ thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô cũng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư và khả năng hấp thụ vốn của thị trường.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro hệ thống và rủi ro cá biệt như trên, Tổng Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác, sẽ chịu ảnh hưởng và bị tổn thất trong trường hợp xảy ra các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai (bão, lụt, động đất,...), hỏa hoạn,...

V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

1. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ quy định tại Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, tổng mức chi phí cổ phần hóa tối đa đối với doanh nghiệp có giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng.

Giá trị thực tế doanh nghiệp của Tổng công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định

giá trị doanh nghiệp (30/12/2014) là 120.485.924.390 đồng, do đó, tổng chi phí cổ phần hóa của Tổng công ty theo quy định là 500.000.000 đồng. Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

2. Số tiền thu được từ bán phần vốn nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ và Mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Tổng Công ty dự kiến kế hoạch thu tiền từ cổ phần hóa và dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu bình quân là 10.000 đồng/cổ phần):

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	88.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	127.280.848.903
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	70.331.200.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		104.232.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		104.232.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		0
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn		0
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		35.000.000.000
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		35.228.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, nhà đầu tư chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	70.400.000.000
5	Phần chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại VINAMED và mức vốn điều lệ	(e) = (a) – (b)	-39.280.848.903
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	0
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(h)	0

TT	Khoản mục	Số tiền (đồng)
		(c) – (e) – (f) – (g) – (h)
	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách Nhà nước	109.112.048.903

Tổng Công ty sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách Nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

VI. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Cơ hội

- Nền kinh tế Việt Nam đang có dấu hiệu phục hồi tích cực, kể từ khi bị ảnh hưởng chung từ sự suy thoái nền kinh tế toàn cầu. Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, GDP năm 2014 tăng 5,98% so với cùng kỳ, CPI tháng 12/2014 tăng 1,84% so với tháng 12/2013, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giảm mạnh. Nền kinh tế phục hồi, thu nhập của người dân tăng lên là các yếu tố thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, sử dụng trang thiết bị y tế gia tăng. Điều này sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty được cải thiện.
- Phát huy những thành quả đạt được và bài học kinh nghiệm của các đơn vị là thành viên của Tổng công ty đã cổ phần hóa, Tổng công ty sẽ thay đổi phương thức quản lý doanh nghiệp tạo nên một mô hình với một diện mạo mới.
- Mô hình Tổng công ty cổ phần sẽ giúp cho đơn vị có được sự chủ động trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động không ngừng của tình hình kinh tế xã hội
- Bên cạnh đó, với lợi thế là Tổng công ty cổ phần, Tổng công ty có nhiều cơ hội thuận lợi trong việc huy động vốn khi có các dự án đầu tư hiệu quả với thời gian huy động vốn nhanh.
- Nhà nước đã có những ưu tiên phát triển ngành y tế thông qua chủ trương xã hội hóa về y tế và Chính phủ đã ban hành Chính sách quốc gia về trang thiết bị y tế, đầu tư cho y tế bằng nguồn trái phiếu Chính phủ.

2. Thách thức

- Các doanh nghiệp khác gia nhập ngành ngày càng gia tăng, mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh cung cấp trang thiết bị y tế ngày càng gay gắt.
- Tổng Công ty thiếu nền tảng về cơ sở vật chất và công nghệ để tự sản xuất trang thiết bị y tế. Hoạt động kinh doanh hiện nay vẫn chủ yếu là mại thương mại.

- Người mua chủ yếu là Bệnh viện và các cơ sở y tế thông qua kết quả đấu thầu hằng năm, do vậy: giá bán khó thay đổi, thanh toán sau khi giao hàng ít nhất là 1-2 tháng, trong khi nguồn nguyên liệu phần lớn là nhập khẩu thường bị ảnh hưởng khi biến động tỷ giá ngoại tệ.
- Đội ngũ cán bộ kinh doanh còn thiếu và chưa đủ mạnh. Do đó, Tổng Công ty chưa làm tốt khâu phát triển thị trường cho các kênh phân phối ngoài y tế, thị trường xuất khẩu, sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn trong cộng đồng, có lợi thế cạnh tranh cao.
- Chưa thật sự nhạy bén trong việc chọn lựa sản phẩm chủ lực để mang lại hiệu quả kinh doanh cao hơn.

3. Định hướng phát triển sau cổ phần hóa

Sau khi Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần, Tổng công ty sẽ tập trung thực hiện theo các định hướng phát triển như sau:

- Thực hiện đổi mới công tác quản lý theo mô hình Tổng công ty cổ phần để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.
- Tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực hoạt động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người. Trong đó, Tổng Công ty chú trọng hàng đầu việc thu hút đội ngũ cán bộ kinh doanh giỏi, năng động để đẩy mạnh việc mở rộng và phát triển thị trường cung cấp trang thiết bị y tế.
- Việc phát triển thị trường được ưu tiên hàng đầu. Với sự góp sức của các cổ đông chiến lược, Tổng Công ty sẽ nâng cao năng lực để đảm bảo đáp ứng các điều kiện tham gia đấu thầu.
- Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty cổ phần sẽ nghiên cứu thị trường, lựa chọn thời điểm thích hợp để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Trang thiết bị y tế thông dụng, vật tư tiêu hao phục vụ ngành Y tế và xuất khẩu. Đầu tư từng bước để sản xuất và cung ứng đủ nhu cầu trong nước về trang thiết bị nội thất bệnh viện, các thiết bị y tế thông dụng phục vụ y tế cơ sở, chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe ban đầu, dụng cụ sử dụng một lần và các trang thiết bị phục vụ y tế học đường và gia đình.

4. Kế hoạch đầu tư

Dự kiến sau cổ phần hoá, Công ty sẽ thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình Toà nhà VINAMED ngay tại địa chỉ trụ sở hiện nay để làm trụ sở văn phòng Tổng Công ty, thay thế cho toà nhà văn phòng hiện nay đã cũ và xuống cấp (xây dựng từ năm 1974). Chi tiết như sau:

- **Địa điểm đầu tư dự án:** Số 1 ngõ 135 phố Núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
- **Diện tích lô đất:** 612m²
- **Diện tích sàn xây dựng:** 3.600m²
- **Tổng mức đầu tư:** 35.000.000.000 đồng, trong đó: Vốn tự có của doanh nghiệp: 15.000.000.000 đồng, vốn huy động (vay ngân hàng): 20.000.000.000 đồng
- **Thời gian đầu tư:** dự kiến năm 2016 đến năm 2018
- **Quy mô đầu tư:** Toà nhà VINAMED có 07 tầng nổi, 01 tầng mái, 01 tầng hầm cùng hệ thống trang thiết bị hiện đại đúng tiêu chuẩn để sử dụng làm Trụ sở văn phòng Tổng công ty.

5. Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa (2016 - 2018)

Tổng Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 03 năm sau cổ phần hóa (giai đoạn 2016-2018) trên cơ sở các định hướng phát triển nêu trên. Chi tiết các các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Ước thực hiện 2015	2016	2017	2018
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng		88.000	88.000	88.000
2	Tổng số lao động	Người	15	17	19	20
3	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	1.700	1.900	2.150	2300
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đồng/người /tháng	9,4	9,3	9,4	9,5
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	50.000	60.000	75.000	95.000
5.1	<i>Doanh thu kinh doanh thiết bị y tế</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>44.700</i>	<i>55.000</i>	<i>71.000</i>	<i>91.000</i>
5.2	<i>Doanh thu cho thuê nhà và dịch vụ</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>300</i>			
5.3	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>5.000</i>	<i>5.000</i>	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>
6	Tổng chi phí	“	2.850	53.500	67.300	85.700
7	Lợi nhuận trước thuế	”	4.400	6.500	7.700	9.300
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.300	5.950	6.886	8.240
9	Phân phối lợi nhuận					
	- Chia cổ tức	Tr.đồng		5.280	6.424	7.744

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Ước thực hiện 2015	2016	2017	2018
	- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% lợi nhuận sau thuế)	Tr.đồng		297,5	344,3	412
10	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%		6,0	7,3	8,8

Nguồn: VINAMED

6. Các giải pháp thực hiện

▪ Về tổ chức, quản lý

- Sau khi cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành đối với Công ty cổ phần.
- Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp nhằm tăng năng suất và hiệu quả làm việc của cán bộ công nhân viên.
- Nhân sự là nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, do đó Công ty sẽ nghiên cứu xây dựng quy chế trả lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên đảm bảo phân phối đúng với năng lực, trình độ và hiệu suất công tác của từng cán bộ công nhân viên với công việc được giao. Trong đó ưu tiên hàng đầu là tuyển dụng đội ngũ phát triển kinh doanh.

▪ Về kinh doanh:

- Quảng bá thương hiệu rộng rãi hơn nữa, tích cực tham gia đấu thầu để tìm kiếm các hợp đồng mới, kể các dự án của đối tác nước ngoài.
- Phát triển các thị trường mới để đẩy mạnh mảng thương mại cung cấp trang thiết bị y tế.
- Hợp tác kinh doanh với các đối tác, tận dụng lợi thế về vị trí đất của Tổng Công ty để gia tăng hiệu quả hoạt động.

▪ Về tài chính:

- Tổng Công ty rà soát lại các nguồn vốn để xây dựng kế hoạch sử dụng vốn trong thời gian tới để đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh, đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, củng cố hoàn thiện bộ máy kế toán để quản lý tốt nguồn vốn của Tổng công ty cổ phần, thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tài chính của Công ty.
- Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty cổ phần để có được tình hình tài chính lành mạnh, cân đối và sử dụng vốn vay để đầu tư

một cách hiệu quả nhất.

- Quản lý hiệu quả phần vốn góp đầu tư của Tổng Công ty tại các công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.
- Tổ chức hạch toán phù hợp nhằm xây dựng các dữ liệu thống kê các chỉ tiêu kinh tế - tài chính và cân đối đồng bộ thu chi nhằm phát huy tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

PHẦN III:

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CỦA TỔNG CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

Toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất trước cổ phần hóa của Tổng Công ty được chuyển giao cho công ty cổ phần quản lý và sử dụng, chi tiết như sau:

- ❖ **Địa chỉ: Số 1, ngõ 135 phố Núi Trúc, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, Hà Nội**
- ❖ **Diện tích đất đang quản lý, sử dụng: 612 m². Trong đó:**
 - Diện tích đất được giao: 0 m²
 - Diện tích đất thuê: 612 m²
- ❖ **Thời hạn thuê:**
 - 429 m² đất để làm văn phòng làm việc; thời gian thuê đất 40 năm kể từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2033
 - 183 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường, không được xây dựng kiên cố, khi Nhà nước thu hồi phải bản giao theo quy định. Thời gian thuê đất hàng năm.
- ❖ **Hình thức sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm**
- ❖ **Hình thức lựa chọn khi chuyển sang công ty cổ phần: Thuê đất trả tiền hàng năm**
- ❖ **Hiện trạng sử dụng: Trụ sở, văn phòng làm việc của Tổng Công ty (dự kiến sẽ xây mới văn phòng làm việc).**
- ❖ **Tài sản trên đất:**
 - Nhà làm việc 2 tầng
 - Nhà để xe 2 tầng
 - Nhà cấp 4 (3 gian)
 - Trụ công, cánh công
- ❖ **Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa: Trụ sở làm việc, văn phòng của Tổng Công ty.**
- ❖ **Giấy tờ pháp lý:**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 493660 cấp ngày: 05/07/2007 của UBND Tp.Hà Nội.
- Hợp đồng thuê đất số 101-07/HĐTĐTN ký ngày 26/03/2007 và Phụ lục hợp đồng thuê đất số: 373/PLHĐTĐ ký ngày 16/08/2013 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Vinamed.
- Công văn số 4184/UBND-KT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 22/06/2015 chấp thuận cho Vinamed tiếp tục sử dụng 429 m² nằm ngoài chỉ giới mở đường làm trụ sở, văn phòng làm việc theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Phần diện tích 183 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường, không được xây dựng kiên cố, khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao theo quy định (ký Hợp đồng thuê đất hàng năm).

PHẦN IV: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần được soạn thảo theo các quy định của Luật doanh nghiệp 2014, Điều lệ mẫu của công ty cổ phần đại chúng và các văn bản pháp luật hiện hành. Dự thảo Điều lệ công ty cổ phần được đính kèm theo phương án này.

(Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động đính kèm)

PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và có Quyết định về việc chuyển Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam thành công ty cổ phần, Tổng Công ty sẽ triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa và tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược	T
2	Tổ chức mời các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần	T+1 đến T+12
3	Phê duyệt danh sách Nhà đầu tư chiến lược đáp ứng tiêu chí lựa chọn	T+15
4	Tổ chức bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược theo danh sách được duyệt	T+17 đến T+25
5	Tổ chức bán cổ phần cho người lao động mua ưu đãi	T+17 đến T+25
6	Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư thông thường	T + 30
7	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ chức bán thỏa thuận (nếu có cổ phần không bán hết)	T+40 đến T+55
8	Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), báo cáo cử người đại diện vốn Nhà nước và thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thành lập	T+57 đến T+60
9	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	T+75
10	Thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và xin cấp dấu mới cho công ty cổ phần, tiến hành in Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông	T+80
11	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước, bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách cho Hội đồng quản trị	Quý I/2016
12	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	Quý I/2016

PHẦN VI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam là phù hợp với chủ trương của nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao năng lực tài chính, đổi mới phương thức quản lý doanh nghiệp từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa.

Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam được xây dựng theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phương án đã được sự thống nhất cao của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên.

II. KIẾN NGHỊ

Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hoá báo cáo Bộ Y tế xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thiết bị Y tế Việt Nam để Tổng Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đảm bảo kế hoạch chuyển thành công ty cổ phần theo đúng lộ trình đã đề ra.

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

**CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Ban chỉ đạo CPH;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trịnh Văn Mạo